

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Học phần: Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học

Đề tài: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam về giải quyết vấn đề dân tộc. Liên hệ với những quyết sách của Đảng và Nhà nước trong giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay.

Giảng viên hướng dẫn :Vũ Thị Thu Hiền

Sinh viên thực hiện :Philaphath Oumsaphon

Lớp :21.PLT09A

Mã sinh viên :23A4011159

Hà Nội, tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	1
LỜI NÓI ĐẦU.....	3
CHƯƠNG I: PHÂN LÝ LUẬN	5
1. Quan niệm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc	5
2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về việc giải quyết vấn đề dân tộc trong chủ nghĩa xã hội trên lập trường duy vật lịch sử.....	6
3. Sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc vào việc giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.....	7
CHƯƠNG II: PHÂN LIÊN HỆ THỰC TẾ VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN	7
1.ĐẶC ĐIỂM DÂN TỘC Ở NƯỚC VIỆT NAM.....	7
2.QUAN ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC TA VỀ DÂN TỘC	8
3.VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY	9
1.NHỮNG CHÍNH SÁCH VỀ DÂN TỘC CỦA NHÀ NƯỚC TA	13
2.THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG THỰC TIỄN	13
3.ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐỂ THÍCH NGHI VỚI TÌNH HÌNH MỚI.....	15
KẾT LUẬN	17
Tài liệu tham khảo	17

LỜI NÓI ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thực tế trong quá trình xây dựng đất nước và giữ nước của dân tộc đảng và nhà nước ta luôn lấy tinh thần tự do dân tộc làm kim chỉ nam để đưa ra các chính sách dân tộc phù hợp. Chính phủ có nói rằng: “chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được cụ thể hóa bằng các vấn đề cụ thể như các dân tộc ở Việt Nam được hoạt động tự do trong khuôn khổ của Hiến pháp và Pháp luật Nhà nước Việt Nam”. Các dân tộc ở Việt Nam được Nhà nước khuyến khích tham gia các hoạt động giáo dục, từ thiện, nhân đạo theo sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn. Các tổ chức cá nhân dân tộc cũng được tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu quốc tế, được đi đào tạo ở nước ngoài. Đã có rất nhiều các tổ chức dân tộc quốc tế vào Việt Nam giao lưu với các tổ chức dân tộc Việt Nam mà không bị cản trở gì. Trong quá trình tồn tại và phát triển, nhất là sự phát triển về mặt kinh tế con người ngày càng có nhiều nhu cầu cần được đáp ứng trong đó thì nhu cầu về tín ngưỡng dân tộc vẫn là một nhu cầu tinh thần của bộ phận lớn các tầng lớp nhân dân.

Lợi dụng chính sách dân tộc của nhà nước ta nhiều tổ chức phản động núp dưới vỏ bọc là các tổ chức dân tộc xuyên tạc các chủ trương của đảng kích động quần chúng nhân dân tổ chức nhiều cuộc biểu tình và có hành động chống phá nhà nước Việt Nam.

Vì vậy chúng ta cần nắm vững những chính sách của đảng để khỏi vô tình tiếp tay cho các tổ chức phản động và tuyên truyền cho những người xung quanh cũng nhận thức rõ chính sách của đảng và nhà nước.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- * Mục đích: Chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc.

- * Nhiệm vụ: Nghiên cứu những hiện tượng, những hình thức xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng, bảo vệ thành quả dân tộc. Từ đó đề xuất những giải pháp tích cực xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền cách

mạng, bảo vệ thành quả của cuộc vận động dân tộc, bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo từ nay về sau.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Khẳng định giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cả về lý luận và thực tiễn trong quá khứ, hiện tại và tương lai của chủ nghĩa xã hội nói chung và Việt Nam nói riêng.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử, phương pháp lịch sử cụ thể, phương pháp kết hợp lôgic và lịch sử, phương pháp phân tích so sánh.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ở Việt Nam trong 30 chống chiến tranh xâm lược, vấn đề này được kết hợp nghiên cứu trong việc tìm hiểu ý đồ, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động để có đối sách thích hợp, thể hiện trong các Nghị quyết công tác năm, chỉ thị, quyết định của lực lượng quốc phòng, nội vụ và tổng văn kiện của Đảng, Nhà nước chỉ đạo thực hiện đấu tranh. Với tư cách là những đối tượng của chiến lược “DBHB”, Trung Quốc và Việt Nam đã nghiên cứu một cách khoa học và nghiêm túc về vấn đề này thông qua các công trình như:

- Trung Quốc: “Chiến lược DBHB của Mỹ” (Lương Văn Đồng chủ biên, Nxb Nhân dân Lĩnh Cát Lâm - Trung Quốc, 1992, Tổng cục II Bộ quốc phòng 1993), “Cuộc đổ sức hai chế độ xã hội - bàn về chống “DBHB” (Cốc Văn Khang, Nxb Hồ Nam ấn hành 1991, Nxb Chính trị quốc gia và Tổng cục II Bộ Quốc phòng dịch và xuất bản ở Việt Nam 1994), “hãy cảnh giác với cuộc chiến tranh thế giới không có khói súng (Lưu Đình Á chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, Tổng cục II, Bộ Quốc phòng, Hà Nội 1994).

- Việt Nam: Quyết tâm làm thất bại chiến lược “DBHB” của các thế lực thù địch (Ban tư tưởng - văn hoá TW, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1994), “Chiến lược DBHB” (Nguyễn Anh Lân chủ biên, Nxb Tổng cục II Bộ Quốc phòng, Hà Nội 1993); Bàn về “DBHB” (Nguyễn Đỗ Hoàng, Nxb CAND, Hà Nội 1991)...

Như vậy, trong điều kiện vô cùng khó khăn và trong thời gian rất ngắn, Đảng, Nhà nước, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với chủ trương sáng suốt, vừa vững vàng về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, đã tăng cường được thực lực cách mạng, xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng, bảo vệ thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh hiểm trở trong những năm 1945-1946, chuẩn bị điều kiện và lực lượng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. “Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lêninnít”

CHƯƠNG I: PHÂN LÝ LUẬN

1. Quan niệm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc

Trong khi các nhà duy tâm, thần học cho rằng dân tộc có nguồn gốc siêu nhiên, thế giới tự nhiên, xã hội loài người cũng như toàn bộ hoạt động của mỗi cá nhân

con người đều chịu sự chi phối, điều khiển của các lực lượng siêu nhiên, thần thánh thì các nhà duy vật, vô thần đã có quan điểm hoàn toàn đối lập. L.Phoiobắc - nhà triết học duy vật người Đức, trong Bản chất đạo Cơ đốc, đã khẳng định rằng, Tuy nhiên, Phoiobắc chưa chỉ ra được bản chất thực sự của dân tộc và ở khía cạnh này, ông vẫn chưa thoát khỏi quan điểm duy tâm khi chỉ phê phán thứ dân tộc hiện thời chứ không phê phán dân tộc nói chung, càng chưa hề đề cập đến sự phê phán những điều kiện hiện thực đã làm nảy sinh dân tộc. Thậm chí, ông còn cho rằng người ta vẫn rất cần một thứ dân tộc khác thay thế, đó là “dân tộc tình yêu” để xoá bỏ đi những áp bức, bất công trong xã hội.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về việc giải quyết vấn đề dân tộc trong chủ nghĩa xã hội trên lập trường duy vật lịch sử

Trên lập trường duy vật lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin đã kịch liệt phản đối những hành vi cực đoan, tấn công trực diện vào dân tộc một cách thô bạo. Bản thân dân tộc không có tội và vì vậy, không nên phê phán dân tộc mà cần phê phán cái hiện thực đã làm nảy sinh dân tộc. Việc phê phán dân tộc không thể được tiến hành trực diện mà cần “làm cho con người thoát khỏi ảo tưởng, để con người tư duy, hành động, xây dựng tính hiện thực của mình với tư cách một con người vừa thoát khỏi ảo tưởng và đạt đến tuổi có lý trí; để con người vận động xung quanh bản thân mình, nghĩa là vận động xung quanh cái mặt trời thật sự của mình. Dân tộc chỉ là cái mặt trời ảo tưởng, nó vận động xung quanh con người chừng nào con người còn chưa bắt đầu vận động xung quanh bản thân mình”(8). Như vậy, theo quan điểm của C.Mác, dân tộc chỉ thật sự mất đi khi con người ta tự nhận thức được về bản thân mình, từ bỏ những ảo tưởng thần thánh để quay trở về với cuộc sống hiện thực.

Phê phán các nhà duy vật vô thần trước đó, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, thật sai lầm nếu cho rằng sẽ đánh tan được những thiên kiến dân tộc chỉ bằng tuyên truyền, giáo dục hay mệnh lệnh hành chính. Dân tộc là một hình thái ý thức xã hội nên về nguyên tắc, nó chỉ thay đổi khi bản thân tồn tại xã hội được thay đổi, nó chỉ được giải quyết khi bản thân hiện thực nảy sinh dân tộc được cải tạo.

Cũng trong “Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen”, C.Mác đã nêu rõ nguyên tắc này: “Xoá bỏ dân tộc, coi là hạnh phúc ảo tưởng của nhân dân, là yêu cầu thực hiện hạnh phúc thực sự của nhân dân. Đòi hỏi nhân dân từ bỏ những ảo tưởng về tình cảnh của mình nghĩa là đòi hỏi nhân dân từ bỏ một tình cảnh đang cần có ảo tưởng. Do đó, việc phê phán dân tộc là hình thức mạnh mẽ của sự phê phán cái biến khổ ấy, cái biến khổ mà dân tộc là vòng hào quang thần thánh”(9). Do đó, theo ông, “nhiệm vụ của lịch sử, sau khi thế giới bên kia của chân lý đã mất đi, là xác lập chân lý của thế giới bên này... Như vậy, phê phán thượng giới biến thành phê phán cõi trần, phê phán dân tộc biến thành phê phán pháp quyền, phê phán thần học biến thành phê phán chính trị”(10).

3. Sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc vào việc giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay

Do nhận thức không đầy đủ, đã có một thời kỳ chúng ta mắc phải những sai lầm nghiêm trọng trong việc đấu tranh chống dân tộc. Chúng ta đã quá nôn nóng, cực đoan trong ứng xử với các dân tộc cũng như với các cơ sở thờ tự của dân tộc. Nhiều nhà thờ, chùa chiền, miếu mạo đã bị đập phá, các sinh hoạt dân tộc bị ngăn cấm, người có đạo bị kỳ thị. Quyền tự do tín ngưỡng, dân tộc không được đảm bảo. Chính sự nóng vội đó đã dẫn đến hậu quả xấu về mặt chính trị, tư tưởng, là cơ sở để các thế lực phản động lợi dụng chống phá cách mạng nước ta. ở điểm này, rõ ràng chúng ta đã không vận dụng tốt những quan điểm về dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin.

CHƯƠNG II: PHÂN LIÊN HỆ THỰC TẾ VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN

1.ĐẶC ĐIỂM DÂN TỘC Ở NƯỚC VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, dân tộc. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực Đông Nam Á có ba mặt giáp biển, Việt Nam rất thuận lợi trong mỗi giao lưu với các nước trên thế giới và cũng là nơi rất dễ cho việc thâm nhập các luồng văn hoá, các dân tộc trên thế giới.

Về mặt dân cư, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc, kể cả người Kinh (Việt) đều lưu giữ những hình thức tín ngưỡng, dân tộc riêng của mình. Người Việt có các hình thức tín ngưỡng dân gian như thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ những người có công với cộng đồng, dân tộc, thờ thần, thờ thánh, nhất là tục thờ Mẫu của cư dân nông nghiệp lúa nước. Đồng bào các dân tộc thiểu số với hình thức tín ngưỡng nguyên thủy (còn gọi là tín ngưỡng sơ khai) như Tô tem giáo, Bái vật giáo, Sa man giáo.

Ở Việt Nam, do đặc điểm lịch sử liên tục bị xâm lược từ bên ngoài nên việc Lão giáo, Nho giáo - những dân tộc có nguồn gốc ở phía Bắc thâm nhập; Công giáo - một dân tộc gắn với văn minh Châu Âu vào truyền đạo và sau này đạo Tin lành đã khai thác điều kiện chiến tranh ở miền Nam để truyền giáo thu hút người theo đạo là điều dễ hiểu.

Ở Việt Nam có những dân tộc có nguồn gốc từ phương Đông như Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo; có dân tộc có nguồn gốc từ phương Tây như Thiên chúa giáo, Tin lành; có dân tộc được sinh ra tại Việt Nam như Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo; có dân tộc hoàn chỉnh (có hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội), có những hình thức dân tộc sơ khai. Có những dân tộc đã phát triển và hoạt động ổn định; có những dân tộc chưa ổn định, đang trong quá trình tìm kiếm đường hướng mới cho phù hợp.

2. QUAN ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC TA VỀ DÂN TỘC

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn có quan điểm, thái độ rõ ràng về tín ngưỡng, dân tộc. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng năm 1991 đã khẳng định: "Tín ngưỡng, dân tộc là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết

lương giáo và giữa các dân tộc. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành vi lợi dụng dân tộc phá hoại độc lập dân tộc và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân". Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng ghi rõ: "Tín ngưỡng, dân tộc là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân".

Dân tộc là một hình thái ý thức xã hội gồm một hệ thống những quan điểm dựa trên cơ sở tin tưởng và sùng bái những lực lượng tự nhiên, thần thánh, cho rằng những lực lượng này quyết định số phận con người, con người phải phục tùng, tôn thờ. Dân tộc còn là một hiện tượng xã hội, một thành tố văn hóa, một bộ phận của đời sống tinh thần con người. Trong quá trình tồn tại và phát triển, dân tộc có ảnh hưởng khá sâu sắc đến đời sống chính trị, văn hóa, xã hội, tâm lý, đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán của nhiều dân tộc, quốc gia.

3.VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

Cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, công tác dân tộc đã có những biến đổi sâu sắc và đạt được kết quả khả quan hơn. Việc thực hiện tự do tín ngưỡng đã đi vào nề nếp bên cạnh việc bảo đảm sự phát triển của kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, trong đó có cả đồng bào có đạo.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hoạt động dân tộc trong cả nước khá sôi động; đó là kết quả của đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng cũng như sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước ta. Những thành quả trong công tác này, được thể hiện rõ trên một số mặt:

A. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về dân tộc và công tác dân tộc

Từ khi có Nghị quyết 25/NQ-TW ngày 12-3-2003 của Trung ương Đảng về công tác dân tộc, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành từng bước cụ thể hóa các quan điểm, giải pháp và các nhiệm vụ chủ yếu trong Nghị quyết của Đảng thành các quy định của pháp luật, các kế hoạch, giải pháp, cơ chế. Điều đó đã bảo đảm việc thực hiện và đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động dân tộc, sự thống nhất trong việc giải quyết nhu cầu sinh hoạt dân tộc trên phạm vi cả nước, tăng cường hiệu lực và hiệu quả công tác dân tộc.

Các bộ, ngành liên quan đã tham mưu và giúp Chính phủ, Thủ tướng xây dựng và trình Quốc hội thông qua các văn bản liên quan trực tiếp và gián tiếp đến công tác quản lý nhà nước về hoạt động dân tộc. Ban Dân tộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiến hành bổ sung vào Dự thảo Pháp lệnh tín ngưỡng, dân tộc, cụ thể hóa chính sách dân tộc của Đảng trong Nghị quyết 25/NQ-TW; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các nhà khoa học, quản lý và chức sắc đại diện cho các tổ chức dân tộc. Thừa ủy quyền của Chính phủ, Ban Dân tộc Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và Chủ tịch nước đã ký Lệnh công bố ban hành Pháp lệnh Tín ngưỡng dân tộc ngày 29-6-2004 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15-11-2004.

Ban Dân tộc Chính phủ chủ trì soạn thảo Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, dân tộc trình Chính phủ và được ban hành ngày 01-3-2005. Sau đó, Chính phủ ban hành tiếp Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 4-2-2005 về một số công tác đối với đạo Tin Lành. Như vậy, Nghị quyết số 25/NQ-TW cùng với ba văn bản nói trên đã công khai, minh bạch đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ta trong lĩnh vực dân tộc; đồng thời là cơ sở để giải quyết các nhu cầu sinh hoạt dân tộc, bảo đảm quyền tự do dân tộc của nhân dân, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về dân tộc, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân dân tộc đang hoạt động ở Việt Nam.

B. Tăng cường đầu tư và thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc

Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là khi có Nghị quyết 25/NQ-TW cũng như Chương trình hành động của Chính phủ, Đảng và Nhà nước ta đã xác định, việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, trong đó có đồng bào các dân tộc là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác dân tộc. Từ nhiệm vụ tổng thể trên, các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, các khu vực như: Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long,... được xác định khá cụ thể trong việc phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần, đời sống tín ngưỡng, dân tộc của đồng bào trên nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, dân tộc của công dân.

Vấn đề dân tộc và công tác dân tộc đã được ghi nhận và cân đối trong các kế hoạch, cơ chế, chính sách của các bộ, ngành liên quan và của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đây là cơ sở để cân đối và bảo đảm nguồn lực phát triển hài hòa của hệ thống chính sách của Nhà nước.

Kết quả thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội thời gian qua với số vốn hàng trăm tỉ đồng đã tác động tích cực đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào nói chung, đồng bào các dân tộc nói riêng, góp phần ổn định và phát triển, làm cho đồng bào an tâm, đoàn kết xây dựng đời sống “tốt đời, đẹp đạo”. Một bộ phận lớn đồng bào dân tộc, dân tộc được giao đất ở, đất sản xuất; được hướng dẫn kỹ thuật, được vay vốn, nhận các điều kiện hỗ trợ cần thiết để sản xuất, tăng thu nhập; tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, góp phần giữ vững ổn định tình hình xã hội vùng giáo, vùng đồng bào dân tộc.

C. Mở rộng các hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực dân tộc

Trong những năm đổi mới, nhất là 3 năm qua, Chính phủ, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực sự quan tâm đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại dân tộc và liên quan đến dân tộc nhằm tháo gỡ những rào cản,

vướng mắc ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, chính trị, ngoại giao và nhiều mặt khác.

Thông qua kênh Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức, cá nhân dân tộc và liên quan đến dân tộc ở trong nước với các tổ chức, cá nhân dân tộc ở nước ngoài; các cuộc hội thảo chuyên đề do các tổ chức phi chính phủ tổ chức, cũng như việc tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân có dịp tiếp cận với thực tế ở các vùng, miền nhạy cảm về dân tộc, các nhân vật dân tộc đã làm cho dư luận quốc tế hiểu rõ hơn tình hình và chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam.

Các kênh đối ngoại dân tộc được tăng cường như: trao đổi đoàn; tham dự các diễn đàn, hội thảo đối thoại về nhân quyền, dân tộc với các nước EU, Mỹ, Ô-xtrây-li-a, với Ủy ban Tự do dân tộc quốc tế (Mỹ), diễn đàn nhân dân ASEM hàng năm, hội thảo về pháp luật dân tộc các nước Đông Nam Á, các cuộc tiếp xúc giữa sứ quán các nước, các tổ chức quốc tế, phóng viên, báo chí nước ngoài với các cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố một cách thường xuyên, thân tình, khách quan đã mang lại kết quả quan trọng tạo được niềm tin, sự hiểu biết, chia sẻ của các nước, các tổ chức về chính sách dân tộc, cũng như những vướng mắc trong công tác xử lý một số vấn đề dân tộc của Việt Nam.

Đặc biệt, việc sinh hoạt dân tộc của người nước ngoài đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam được các ngành liên quan, các tỉnh, thành phố quan tâm tạo điều kiện phù hợp với truyền thống mỗi nước, mỗi dân tộc, đã tạo được sự ủng hộ của dư luận trong và ngoài nước.

Thực tiễn công tác đối ngoại dân tộc và liên quan đến dân tộc từ sau khi có Nghị quyết 25/NQ-TW và Chương trình hành động của Chính phủ đã thực sự thấm nhuần đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, có sự quan tâm, điều hành khá thống nhất, đồng bộ và có sự tham gia tích cực chủ động, của các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố liên quan đã mang lại kết quả rất quan trọng trong việc làm thay đổi nhận thức, tình cảm của bạn bè quốc tế.

Có thể nói, công tác dân tộc trong những năm gần đây của Đảng và Nhà nước ta có nhiều thành tựu và nhiều bài học kinh nghiệm quý. Những thành tựu và kinh

nghiệm ấy đã và đang được đúc kết thành những bài học để làm cơ sở cho những năm tới thực hiện tốt hơn. Chỉ với một số mặt rất cơ bản nêu trên, đã chứng tỏ Đảng và Nhà nước ta rất tôn trọng tự do tín ngưỡng, quan tâm sâu sắc đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động, trong đó có cả đồng bào có đạo. Rõ ràng, chính sách của Đảng và Nhà nước ta là nhân đạo, đúng đắn, là phù hợp với xu thế tiến bộ của nhân loại. Không thể chỉ vì vừa qua, một vài tín đồ vi phạm luật pháp, bị Nhà nước Việt Nam trừng trị theo luật pháp mà phủ nhận thành tựu của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc.

1.NHỮNG CHÍNH SÁCH VỀ DÂN TỘC CỦA NHÀ NƯỚC TA

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 có ghi về chính sách dân tộc của Nhà nước như sau:

" Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, dân tộc, theo hoặc không theo 1 dân tộc nào. Các dân tộc đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, dân tộc được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, dân tộc hoặc lợi dụng tín ngưỡng, dân tộc để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước" (Điều 70). Trong Chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới có ghi những nguyên tắc về tín ngưỡng, dân tộc sau đây:

1. "Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, dân tộc và tự do không tín ngưỡng, dân tộc của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trước pháp luật, không phân biệt người theo đạo và không theo đạo, cũng như giữa các dân tộc khác nhau.

2. Đoàn kết gắn bó đồng bào theo các dân tộc và không theo dân tộc trong khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Mọi cá nhân và tổ chức hoạt động tín ngưỡng, dân tộc phi tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật, có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

2.THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG THỰC TIỄN

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam được xây dựng trên quan điểm cơ bản của học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, dân tộc và căn cứ vào đặc điểm tín ngưỡng, dân tộc ở Việt Nam.

Tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, dân tộc của nhân dân; đoàn kết dân tộc, hòa hợp dân tộc. Tinh thần đó được Đảng và Nhà nước Việt Nam thể hiện bằng hệ thống chính sách phù hợp với từng giai đoạn cách mạng và đã có từ khi mới thành lập Đảng.

Trong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập Hội phản đế Đồng Minh ngày 18-11-1930, Đảng đã có tuyên bố đầu tiên về chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của quần chúng: "... phải lãnh đạo từng tập thể sinh hoạt hay tập đoàn của nhân dân gia nhập một tổ chức cách mạng, để dần dần cách mạng hóa quần chúng và lại đảm bảo tự do tín ngưỡng của quần chúng...". Chính sách này cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 3-9-1945 "Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết", coi đó là một trong sáu nhiệm vụ của Nhà nước non trẻ. Hay trong lời kết thúc buổi ra mắt vào ngày 3-3-1951, Đảng Lao động Việt Nam đã tuyên bố: "... vấn đề dân tộc, thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người". Ngày 14-6-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 234-SL ban hành chính sách dân tộc của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó ghi rõ: "Việc tự do tín ngưỡng, thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền Dân chủ Cộng hòa luôn luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện".

Ngay trong năm đầu của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, mặc dù phải lo đối phó với cuộc chiến tranh ác liệt nhưng chính phủ vẫn quan tâm đến nhu cầu tâm linh của nhân dân. Ngày 11-6-1964, Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Thông tư số 60-TTg yêu cầu thi hành chính sách dân tộc theo Sắc lệnh 234.

Đánh giá sự trưởng thành và những đóng góp của Ban Dân tộc Chính phủ, năm 2002, Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất và đề khẳng định truyền thống của ngành quản lý Nhà nước về dân tộc và xác lập cơ chế quản lý

theo ngành - một ngành vốn có nhiều nét đặc thù, nhạy cảm, ngày 27-5-2005, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 445/QĐ-TTg lấy ngày 2-8 hằng năm là Ngày truyền thống của ngành quản lý Nhà nước về dân tộc. Đây là phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước dành cho các thế hệ làm công tác dân tộc trong cả nước./.

3.ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐỂ THÍCH NGHI VỚI TÌNH HÌNH MỚI

Ngày 18-6-2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 19 khóa XI đã thông qua Pháp lệnh tín ngưỡng, dân tộc. Ngày 29-6-2004, Chủ tịch nước đã ký lệnh công bố. Đây là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực tín ngưỡng, dân tộc kể từ sau Sắc lệnh 234/SL ngày 14-6-1955 về vấn đề dân tộc do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành.

Pháp lệnh đã thể chế hóa đường lối, chủ trương chính sách về tín ngưỡng, dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo đảm cho công dân thực hiện quyền cơ bản về tự do tín ngưỡng, dân tộc, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Pháp lệnh tín ngưỡng, dân tộc ra đời không chỉ làm cho đồng bào có tín ngưỡng, dân tộc ở nước ta yên tâm, phấn khởi, mà còn là lời tuyên bố với bạn bè năm châu, với quốc tế về tự do dân tộc ở Việt Nam, qua đó củng cố uy tín của Việt Nam trên quốc tế, đẩy lùi những mưu toan lợi dụng dân tộc để chống phá Nhà nước ta.

Nhằm thể hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta đối với lĩnh vực tín ngưỡng, dân tộc trong thời kỳ đổi mới, Pháp lệnh đã công bố một cách hệ thống quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về tự do tín ngưỡng, dân tộc. Người dân có quyền theo hoặc không theo một dân tộc nào, được tự do bày tỏ đức tin dân tộc của mình, được thực hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện và tham gia các hình thức sinh hoạt phục vụ lễ nghi dân tộc, học tập giáo lý, đạo đức dân tộc, tín đồ đều bình đẳng trước pháp luật, đều được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân. Người dân có quyền theo hoặc không theo một dân tộc nào, được tự do bày tỏ đức tin dân tộc của mình, được thực hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện và tham gia các

hình thức sinh hoạt phục vụ lễ nghi dân tộc, học tập giáo lý, đạo đức dân tộc, tín đồ đều bình đẳng trước pháp luật, đều được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân.

KẾT LUẬN

Xuất phát từ bản chất văn hóa của dân tộc, từ chính sách đại đoàn kết toàn dân, nhà nước ta đã có những chính sách đúng đắn về tự do tín ngưỡng, dân tộc. Giờ đây, trong hoàn cảnh mới của yêu cầu phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta sẽ tổng kết tình hình và đề ra nhiều chủ trương, giải pháp mới để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, làm thất bại hoàn toàn mọi âm mưu đen tối của các thế lực phản động.

Tài liệu tham khảo

- (*) Tiến sĩ triết học, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.
- (**) Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.
- (1) Dẫn theo: V.I.Lênin. Toàn tập, t.29, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tr.71.
- (2) C.Mác và Ph.Ăngghen. Toàn tập, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.815.
- (3) C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., t.1, tr.815.
- (4) C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., t.20, tr.437.
- (5) C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., t.20, tr.437-438.
- (6) V.I.Lênin. Toàn tập, Sđd., t.12, tr.169-170.
- (7) C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., tr.437-570.
- (8) C.Mác và Ph.Ăngghen. Tuyển tập, t.1. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.15.
- (9) C.Mác và Ph.Ăngghen. Toàn tập, Sđd., t.1, tr.570.
- (10) C.Mác và Ph.Ăngghen. Tuyển tập, Sđd., t.1, tr.15.
- (11) Dẫn theo: Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006. tr.236.
- (12) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.78